

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HS-PT

Ngày: 19/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Trần Quang N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 456/2020/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Trần Quang N, sinh năm 1973 tại Nam Định; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT: Số nhà M, phố H, phường P, quận T, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Tòa L, Dự án V, số B Đ, phường H, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Quang A và bà Nguyễn Thị H (đã chết); có vợ là Bùi Thanh N và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 07/9/2019; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định:*** NBC, có mặt.

Trong vụ án còn có người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần xây dựng hạ tầng kỹ thuật P do ông Nguyễn Ngọc P làm

Giám đốc đại diện theo pháp luật. Khoảng tháng 8/2016, thông qua ông Hoàng T (sinh năm 1963; trú tại phường C, quận K, thành phố Hà Nội) nên ông P quen biết Trần Quang N và vợ là chị Bùi Thanh N1 và được N giới thiệu là mình có nhiều mối quan hệ, có khả năng xin được các dự án xây dựng có vốn đầu tư lớn.

Khoảng cuối năm 2017, ông P biết được thông tin về dự án xây dựng mới Nhà làm việc của Ban T tại phố N, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội, sẽ được triển khai vào quý I năm 2018 có vốn đầu tư xây dựng khoảng trên 400.000.000.000 đồng nên đã nói thông tin về dự án trên cho N, N1, Hoàng T biết và nói Công ty của ông P muốn là nhà thầu chính xây dựng dự án trên nên. N nói với ông P là mình có khả năng xin được dự án và cam kết với ông P sẽ xin cho Công ty P được trúng thầu xây dựng dự án trên vào quý I năm 2018 và yêu cầu ông P đưa số tiền 400.000 USD. Ông P tin tưởng những thông tin do N đưa ra là thật nên ngày 28/11/2017 đưa cho N số tiền 200.000 USD (tương đương 4.485.600.000 đồng). Sau khi giao nhận tiền, N viết giấy biên nhận đưa lại ông P giữ với nội dung “N nhận số tiền trên để lo dự án xây dựng trụ sở Ban T. Nếu trong quý I năm 2018, dự án trên không được triển khai hoặc được triển khai mà Công ty P không được làm nhà thầu chính thì N sẽ trả lại số tiền trên cho ông P”. Đến ngày 08/12/2017, ông P đưa tiếp cho N số tiền 200.000 USD (tương đương 4.490.400.000 đồng). Sau khi nhận tiền, N viết giấy biên nhận với ông P nội dung “N nhận số tiền trên để lo dự án xây dựng trụ sở Ban T, nếu sai N sẽ trả lại số tiền trên cho ông P và chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Trong hai lần đến nhận tiền của ông P, N đều đi cùng ông Hoàng T và ông T đều ký xác nhận vào các giấy biên nhận tiền giữa N và ông P. Sau khi nhận số tiền tương đương 400.000 USD của ông P, N không tiếp xúc với bất cứ ai để xin cho Công ty P được là nhà thầu chính của dự án xây dựng mới Nhà làm việc Ban T như đã hứa và chiếm đoạt toàn bộ sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngoài ra trong thời gian quen biết, N và Bùi Thanh N1 đã vay tiền của ông P 02 lần để sử dụng chi tiêu cho cá nhân, cụ thể như sau: Lần thứ 1: Ngày 05/01/2018, ông P cho vợ chồng N, chị N1 vay số tiền 60.000.000 đồng. Lần thứ 2: Ngày 30/3/2018, ông P cho vợ chồng N, chị N1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, chị N1 viết giấy vay tiền có nội dung “N1 vay của bà Nguyễn Thị Bích H - là vợ ông P số tiền 1.000.000.000 đồng và hẹn trong thời gian 02 tháng sẽ hoàn trả lại số tiền trên”. Giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của ông Hoàng T là người bảo lãnh cho khoản vay trên; giấy vay tiền do ông P giữ.

Quá trình điều tra, vào các ngày 30/3/2019, 16/9/2019, 09/12/2019 và ngày 10/12/2019, chị Bùi Thanh N1 nộp cho Cơ quan điều tra với tổng số tiền là 9.536.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do Trần Quang N gây ra.

Tại bản Kết luận giám định số 2859/KLGD-PC09(Đ4) ngày 13/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

.. + Chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Quang N trên “Giấy biên nhận tiền” đề ngày 28/11/2019 và “Giấy biên nhận” đề ngày 08/12/2019 là chữ viết, chữ ký

của Trần Quang N.

+ Chữ viết, chữ ký đứng tên Bùi Thanh N1 trên “Giấy vay tiền” đề ngày 30/3/2018 là chữ viết, chữ ký của chị Bùi Thanh N1.

+ Chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng T mục “Người làm chứng” trên “Giấy biên nhận” ngày 08/12/2019 và ở mặt sau “Giấy vay tiền” ngày 30/3/2018 là chữ viết, chữ ký của ông Hoàng T”.

Tại Công văn số 1772/HAN-QLNH ngày 24/12/2018 của Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh thành phố Hà Nội xác định:

“... - Tỷ giá Trung tâm giữa Đồng Việt N và Đô la Mỹ ngày 28/11/2017 là 22.428 VND/USD.

- Tỷ giá Trung tâm giữa Đồng Việt N và Đô la Mỹ ngày 08/12/2017 là 22.452 VNĐ/USD.

Tổng số tiền Trần Quang N nhận của ông Nguyễn Ngọc P là 400.000USD tương đương (4.490.400.000 đồng + 4.485.600.000 đồng) = 8.976.000.000 đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 14/01/2019 của Cơ quan điều tra với ban quản lý dự án các công trình xây dựng của Đảng ở Trung ương, được cung cấp như sau: “... Dự án xây dựng trụ sở tại số 7 N có chủ trương xây dựng từ năm 2016. Đến năm 2017, Ban T đề nghị dừng thực hiện và Dự án chưa được Quốc Hội phê duyệt nên chưa được thực hiện”.

Tại Công văn số 87/CV-BQL ngày 07/6/2019 của Ban Q - Văn phòng T cung cấp: “...Dự án xây dựng mới Nhà làm việc của Ban T tại N được phê duyệt chủ trương đầu tư từ ngày 16/9/2016. Ban Q được giao là chủ đầu tư”.

Ngày 22/12/2017, Ban C có Công văn số 4260/CV-BTCTW, nội dung: “... Hiện tại, Ban T chưa có nhu cầu, thôi đề xuất xây dựng trụ sở mới, mà dự kiến sắp xếp, bố trí nơi làm việc trên cơ sở sửa chữa nhỏ, nâng cấp phòng làm việc ở trụ sở hiện có”.

Ngày 18/4/2018, Văn Phòng Ban C có thông báo số 6433/CV-VPTW, nội dung: “... Đồng ý đề xuất thay đổi mục tiêu đầu tư từ Nhà làm việc Ban T sang Nhà làm việc Ban G, về quy mô Dự án, Văn phòng T cần tính toán kỹ trước khi quyết định. Đến nay, Dự án đầu tư xây dựng chưa được phê duyệt (tức là chưa thực hiện đầu tư) nên chưa có việc mời thầu bất kỳ gói thầu nào thuộc dự án. Ban Q chưa có thông báo, đăng ký mời tham gia đấu thầu xây dựng. Do vậy, các nhà thầu xây lắp nói chung và Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng kỹ thuật P nói riêng chưa đăng ký, nộp hồ sơ dự thầu xây dựng dự án trên”.

Đối với chị Bùi Thanh N1: Tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập được xác định N1 không tham gia bàn bạc, không hứa hẹn và được hưởng lợi gì cùng với Trần Quang N trong việc nhận tiền của ông P để xin cho Công ty P được trúng thầu xây dựng tại dự án xây dựng mới Nhà làm việc Ban T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với ông Hoàng T: Là người chứng kiến và ký xác nhận chứng kiến việc Trần Quang N nhận số tiền 400.000USD của ông Nguyễn Ngọc P, tuy nhiên ông T hoàn toàn không được bàn bạc cũng như không được hưởng lợi gì từ hành vi chiếm đoạt tiền của N nên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã quyết định xử lý vật chứng trao trả ông Nguyễn Ngọc P số tiền 9.536.000.000 đồng do chị Bùi Thanh N1 đã giao nộp để khắc phục hậu quả cho bị can Trần Quang N. Ngày 11/12/2019, ông Nguyễn Ngọc P viết đơn xác nhận gia đình bị can N đã khắc phục toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt và đã hoàn trả số tiền vay trước đó. Ông P không yêu cầu bồi thường dân sự và đề nghị xem xét khoan hồng cho bị can Trần Quang N.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 456/2020/HS-ST ngày 03/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Quang N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 48, Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, xử phạt: Trần Quang N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17/12/2020, bị cáo Trần Quang N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Quang N thành khẩn thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại và bị cáo xuất trình các tài liệu chứng minh bị cáo tích cực nộp án phí hình sự sơ thẩm và có thái độ ăn năn hối cải, bố và mẹ đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương; ngày 15/01/2022 người bị hại là ông Nguyễn Ngọc P tiếp tục có đơn yêu cầu đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo, do bị cáo sớm thực hiện xong việc bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, kháng cáo của bị cáo N. Sau khi phân tích, đánh giá hành vi của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thấy có đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Quang N theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt 07 (bảy) năm tù đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới như: bị cáo tích cực

nộp án phí hình sự sơ thẩm thể hiện tại biên lai thu tiền số 0063737 ngày 13/01/2022 và có thái độ ăn năn hối cải, bố để bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương; ngày 15/01/2022 người bị hại là ông Nguyễn Ngọc P tiếp tục có đơn đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo, do bị cáo sớm thực hiện xong việc bồi thường. Đặc biệt, trong vụ án này bị cáo đã sớm thực hiện xong việc bồi thường cho bị hại trước khi cơ quan điều tra ra Kết luận điều tra. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù; sửa bản án hình sự sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Về tội danh nhất trí với bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo N có thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đặc biệt trong vụ án này, bị cáo đã tích cực bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại ngay từ giai đoạn điều tra. Người bị hại cũng tha thiết đề nghị Tòa án miễn giảm hình phạt cho bị cáo. Do vậy, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn cấp sơ thẩm đã tuyên để thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước và khuyến khích người phạm tội tích cực bồi thường giúp cho xã hội bình yên hơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Quang N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, nhân chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Mặc dù không có chức trách, khả năng xin được dự án xây dựng mới Nhà làm việc của Ban T nhưng Trần Quang N đã đưa ra các thông tin sẽ xin được cho Công ty P trúng thầu xây dựng dự án trên vào quý I năm 2018 và yêu cầu ông P đưa số tiền 400.000 USD. Do tin tưởng N có thể lo cho Công ty P trúng thầu nên ngày 28/11/2017 và ngày 08/12/2017 ông P giao cho N số tiền 400.000 USD (tương đương 8.976.000.000 đồng). Sau khi giao nhận tiền, N không thực hiện bất cứ hoạt động nào để xin dự án cho Công ty P mà chiếm đoạt số tiền nêu trên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Quang N, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo nhận thức rõ về khả năng, chức trách của bản thân là không có khả năng xin được dự án xây dựng mới Nhà làm việc của Ban T nhưng bị cáo đã hứa hẹn, đưa ra các thông tin sẽ xin được cho công ty P trúng thầu xây dựng dự án vào quý I năm 2018 đồng

thời yêu cầu bị hại phải đưa tiền để chiếm đoạt. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo và tích cực chủ động tự nguyện khắc phục được toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 8.976.000.000 đồng. Việc bị cáo chủ động tích cực bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt của bị hại trước khi cơ quan điều tra ra Kết luận điều tra, là tình tiết khoan hồng đáng kể. Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Người bị hại có đơn đề nghị xin bãi nại, miễn hình phạt cho bị cáo; đề nghị khoan hồng giảm hình phạt cho bị cáo tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo N có xuất trình thêm các tài liệu mới để đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt như: bị cáo tích cực nộp án phí hình sự sơ thẩm thể hiện tại biên lai thu tiền số 0063737 ngày 13/01/2022 và có thái độ ăn năn hối cải; bố và mẹ đẻ bị cáo là ông Trần Quang A và bà Nguyễn Thị H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương; ngày 15/01/2022 người bị hại là ông Nguyễn Ngọc P tiếp tục có đơn yêu cầu đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và đặc biệt bị cáo sau khi bị phát hiện đã chủ động nộp, bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt trước khi cơ quan điều tra ra Kết luận điều tra nên cần cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn cấp sơ thẩm đã tuyên để thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước và nhằm khuyến khích người phạm tội tích cực, chủ động sớm bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và luật sư bào chữa cho bị cáo là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Quang N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quang N; sửa bản án hình sự sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Quang N 06 (sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/9/2019.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Quang N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Xác nhận bị cáo Trần Quang N đã nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, theo Biên lai thu tiền số xxxxxxxx ngày yy/yy/yyyy của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam CA thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Điền Văn Hằng